TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 466/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25 -5 -2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên Hương

Ông Nguyễn Văn Bình

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1083/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1982
Thường trú: khu phố A, phường B, thành phố D, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: đường M, Phường E, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn:* Ông Tạ Minh N, sinh năm 1980
Thường trú: đường G, phường H, thành phố Cần Thơ.
Địa chỉ nơi làm việc: Công ty cổ phần O, đường S, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà C có mặt, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày: Bà và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số: 06/KH, quyển số: 02-2010 cấp ngày

14/01/2011. Sau khi kết hôn hai bên chung sống khoảng một năm, do nhiều bất đồng trong cuộc sống nên cả hai ly thân từ năm 2012, năm 2015 bà nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân quận T, sau đó rút đơn ly hôn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn mối quan hệ, nhưng ông N không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với bà, mặc dù bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay bà C nhận thấy hai bên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Tạ Minh N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà C, tham gia phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N không đến Tòa án trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà C yêu cầu được ly hôn với ông N. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Tạ Minh N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa: đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông N là hợp pháp, quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu ly hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn yêu cầu ly hôn với ông Tạ Minh N, do ông N làm việc tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Bị đơn là ông Tạ Minh N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa cho thấy: Bà C và ông N đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông N là hợp pháp. Theo bà C trình bày, hai bên chung sống một năm thì phát sinh mâu thuẫn nên cả hai ly thân từ năm 2012, năm 2015 bà C nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn ly hôn để hai bên có cơ hội hàn gắn nhưng không đạt được kết quả, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Phía ông N không đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà C. Hội đồng xét xử xét thấy, bà C và ông N đã có thời gian dài mâu thuẫn, không sống chung, cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, xét thấy mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông N.

[4]Về con chung: Không có.

[5]Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]Về nợ chung: Không có.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà C phải nộp án phí 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AG/2014/0005008 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc C và ông Tạ Minh N.

2.Về con chung: Không có.

3.Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về nợ chung: Không có.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà C nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AG/2014/0005008 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.Về quyền kháng cáo: Bà C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy CNKH số: 06/KH, quyển số: 02-2010, cấp ngày 14/01/2011;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương